

LUẬN BÀN VỀ MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI SÁCH GIÁO KHOA ĐỂ ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾP CẬN NĂNG LỰC

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 22/03/2016; ngày sửa chữa: 24/03/2016; ngày duyệt đăng: 25/03/2016.

Abstract: Competence-based curriculum stresses the application of knowledge, skills of learners to their real life, in which textbooks are tools to help equip knowledge and skills for learners. Therefore, textbooks must be built on requirements of education reform. The article mentions the requirements in term of selecting and designing towards developing learner's competency; promoting the positive and initiative in learning; diversifying assessment tools; applying technologies to design textbooks.

Keywords: Competence-based curriculum, textbooks, competence development, requirements for textbook.

Lịch sử phát triển chương trình (CT) thế giới trải qua các giai đoạn tiếp cận nội dung, tiếp cận tiến trình và tiếp cận kết quả (KQ) đầu ra. Trong tiếp cận đầu ra, gần đây có xu hướng CT tiếp cận năng lực (NL) - nhấn mạnh việc phát triển những tiềm năng của người học từ những kiến thức, kĩ năng các môn học. Trên cơ sở đó và với quan điểm "vai trò chính yếu của sách giáo khoa (SGK) là hỗ trợ hoạt động dạy và học", bài viết này đề cập đến 4 yêu cầu cần thiết đối với SGK để có thể đáp ứng tốt các đặc điểm của CT tiếp cận NL.

1. Tiếp cận CT giáo dục

CT môn học gồm 3 hợp phần thiết yếu: *Đầu vào* (Input) là các nội dung học tập (kiến thức, kĩ năng hoặc NL) cùng tổ chức của chúng (mạch/ chương/ chủ đề/ chủ điểm/ bài học...); *Tiến trình* (Process) đề cập đến cách thức giảng dạy và kiểm tra, đánh giá người học, bao gồm kiểu hoạt động học, các phương pháp, kĩ thuật và quy trình, các nguyên tắc, hoạt động và các tài liệu hỗ trợ; *Đầu ra* (Output) là các KQ mong đợi - những gì học sinh (HS) có thể biết, hiểu và làm được khi tham gia vào tiến trình dạy học. Mối quan hệ giữa 3 hợp phần này có thể mô tả như hình 1.



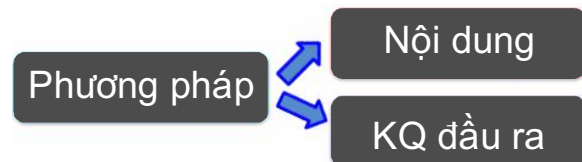
Hình 1. Các hợp phần của CT môn học

Lịch sử tiếp cận CT (Curriculum approaches) thế giới trải qua 3 giai đoạn (theo Heywood, J. 2006). Giai đoạn đầu tiên là tiếp cận nội dung (content-based approach) nhằm chuyển tải các kinh nghiệm nhân loại đến người học - bắt đầu bằng việc lựa chọn nội dung (được cấu trúc phù hợp với logic khoa học môn học), sau đó là tiến trình dạy và học tại thực tiễn nhà trường, cuối cùng là đánh giá KQ đầu ra (hình 2). Cách thiết kế CT này gọi là *Thiết kế tiến lên* (Forward design).



Hình 2. Tiếp cận nội dung khi phát triển CT môn học

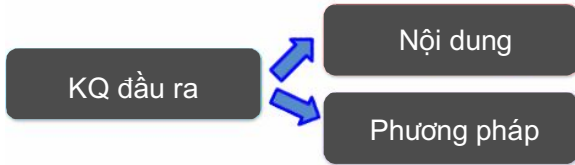
Tiếp theo là tiếp cận tiến trình (Process-based approach) nhằm gắn hoạt động học tập gần hơn với thực tế - bắt đầu bằng việc lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật, hoạt động dạy học, sau đó mới xác định các nội dung đầu vào và đánh giá KQ đầu ra (xem hình 3) - Cách thiết kế CT này gọi là *Thiết kế trung tâm* (Central design).



Hình 3. Tiếp cận tiến trình về CT môn học

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Giai đoạn gần đây là tiếp cận KQ đầu ra (Learning outcomes-based approach) nhằm tạo ra người học đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của xã hội - bắt đầu bằng việc mô tả các KQ đầu ra, sau đó xác định các nội dung và tiến trình giảng dạy thích hợp giúp người học đạt các đầu ra (xem hình 4) - Cách thiết kế CT kiểu này được gọi là *Thiết kế giật lùi* (Backward design).



Hình 4. Tiếp cận đầu ra về CT môn học

2. Một số đặc điểm của CT tiếp cận NL

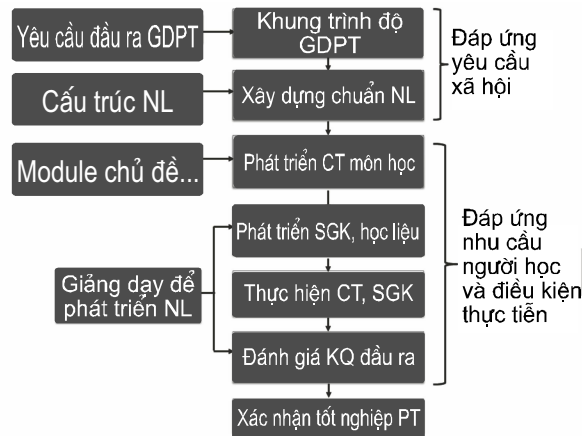
CT tiếp cận NL (Competence based curriculum) thuộc nhóm tiếp cận đầu ra, nhấn mạnh đến những gì người học có thể làm từ những kiến thức, kĩ năng đã học, và các hoạt động dạy học được thiết kế để tạo cơ hội cho HS áp dụng kiến thức, kĩ năng môn học vào những tình huống trong cuộc sống (theo UNESCO IBE).

Theo Azadeh Asgari (2010), mô hình và thành tố của CT tiếp cận NL có những đặc điểm cơ bản sau đây (xem bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm của CT tiếp cận NL

1. Đặc điểm về mô hình CT	
Trong điểm	<ul style="list-style-type: none"> Kiến tạo kiến thức (có hướng dẫn) cho HS
Kiểu học tập	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng tích hợp cả kiến thức, kĩ năng và thái độ, động cơ trong bối cảnh các công việc trong thực tiễn Nhấn mạnh kĩ năng nhận thức, tư duy phê phán, sáng tạo, kĩ năng giao tiếp xã hội,... Các kĩ năng, NL cần được phát triển liên tục, ở nhiều lĩnh vực/ môn học, dọc theo thời gian
Trách nhiệm của giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> Vừa cung cấp các nguồn lực đầu vào (nội dung giảng dạy, phương tiện dạy học, môi trường giáo dục,...), vừa chịu trách nhiệm thực hiện tiến trình giảng dạy (phương pháp giáo dục, đo lường sự tiến bộ học tập), và chất lượng đầu ra cuối cùng (năm học, giai đoạn, cấp học)
2. Đặc điểm về các thành tố của CT	
Mục tiêu/ chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả mức độ phát triển NL người học cuối mỗi giai đoạn giáo dục nhất định Các mức độ phát triển NL được xác định trên cơ sở yêu cầu đầu ra của các kĩ năng nghề nghiệp trong xã hội Là KQ kì vọng đối với cả người học và người dạy
Nội dung học tập	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn những kiến thức, kĩ năng, NL cần thiết cho HS trong cuộc sống Tổ chức nội dung không chỉ phụ thuộc vào logic khoa học của môn học mà còn theo cấu trúc kĩ năng, NL cần phát triển
Phương pháp dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> Xuất phát và thích ứng với các kinh nghiệm trong học tập và trong cuộc sống của mỗi cá nhân HS Chú ý tổ chức để phát triển các tiềm năng sẵn có ở mỗi người
Đánh giá người học	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn mạnh những KQ đầu ra thực sự của cá nhân người học (đánh giá thực), không chỉ những gì họ được học Tập trung cả đánh giá quá trình (theo dõi sự tiến bộ) và đánh giá tổng kết, trong đó trọng tâm là sự tiến bộ trong quá trình học tập Đo lường kĩ năng, NL khi HS tham gia các hoạt động cả trong học tập và trong thực tiễn Bao gồm cả đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của HS Các thông tin đánh giá cần được thu thập trong khoảng thời gian dài, thông qua nhiều loại công cụ khác nhau (như quan sát các hoạt động, KQ làm bài kiểm tra, thảo luận nhóm, hồ sơ học tập, việc thực hiện các dự án học tập,...)

Để đảm bảo tạo ra người học đáp ứng yêu cầu xã hội, CT môn học phải gắn kết chặt chẽ với mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra. Muốn vậy, cần thiết kế khung phát triển CT gồm 5 công đoạn chủ yếu sau (hình 5): 1) Xây dựng chuẩn NL cuối mỗi giai đoạn giáo dục hoặc cấp học trên cơ sở cấu trúc/ các đơn vị của NL (hợp phần, thành tố, chỉ số hành vi và tiêu chí chất lượng). Chuẩn NL phải đảm bảo phù hợp với khung trình độ giáo dục phổ thông (GDPT); 2) Phát triển CT môn học trên cơ sở các module hoặc chủ đề tương ứng với các hợp phần, thành tố của NL; 3) Phát triển SGK cùng các học liệu khác; 4) Thực hiện CT theo hướng phát triển NL người học và đo lường, đánh giá sự tiến bộ của người học dựa theo chuẩn đầu ra cuối mỗi giai đoạn/ cấp học; 5) Xác nhận đạt yêu cầu trình độ học vấn GDPT và cấp bằng tốt nghiệp cho cá nhân người học.



Hình 5. Khung phát triển CT môn học tiếp cận NL

3. Một số yêu cầu cơ bản đối với SGK

Ở các quốc gia phát triển, SGK được coi là một nguồn tài liệu tham khảo cho hoạt động dạy và học. Tuy nhiên, ở hầu hết các quốc gia đang phát triển, SGK được coi là nguồn tài liệu chính, thậm chí là duy nhất, cho quá trình dạy và học (theo UNESCO, 2010).

Với định hướng tiếp cận NL của CT GDPT mới, chúng tôi cho rằng vai trò chính của SGK là hỗ trợ tiến trình dạy và học trong lớp học, trong đó:

- Là tài liệu quan trọng nhất đối với HS: cung cấp các thông tin cơ bản, cần thiết cho quá trình học (thông qua các sự kiện, kiến thức, kĩ năng); chuẩn bị các điều kiện kiểm tra, đánh giá, thi (thông qua các bài tập, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm...); phát triển NL (thông qua các bài tập

lớn, hoạt động hợp tác, dự án học tập, tập dượt nghiên cứu khoa học,...);

- Là nguồn tài liệu hữu ích cho giáo viên: hướng dẫn cách thiết lập khung làm việc trong năm học; hướng dẫn tiến trình giảng dạy các tình huống điển hình; hỗ trợ lập kế hoạch bài học và xác định mục tiêu bài học; cung cấp nội dung để tập huấn, bồi dưỡng giáo viên;...

Tổng hợp những hướng dẫn của UNESCO (2010), Lianghuo Fan (2010), Maria Repoussi và Nicole Tutiaux-Guillon (2010), New Media Consortium (2013), Hanover Research (2014), Eddah Gachukia và Fay Chung (2015)... , chúng tôi nhấn mạnh 4 yêu cầu sau đối với SGK để có thể đáp ứng CT tiếp cận NL:

3.1. Tuân thủ CT môn học. Nội dung (khái niệm, chủ đề...) cần được lựa chọn và sắp xếp, tổ chức hợp lý theo hướng: vừa cung cấp cho HS kiến thức nền tảng về khoa học môn học, vừa phát triển các kỹ năng, đồng thời phải khuyến khích người học hướng tới tư duy cao. Các yếu tố đồ họa (như bản đồ, biểu đồ, đồ thị,...) cần tích hợp chặt chẽ với nội dung; có những ví dụ minh họa, ứng dụng từ cuộc sống, từ thế giới nghề nghiệp; có nguồn tham khảo rõ ràng, phong phú và sắp xếp hỗ trợ tốt cho tổ chức nội dung.

3.2. Hỗ trợ hoạt động dạy và học. Các hoạt động học tập (như luyện tập, thảo luận, nhóm,...), các hoạt động giáo dục (như thực hành, thông báo, tham gia cộng đồng, tham quan,...) phải hỗ trợ tốt việc phát triển tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, các kỹ năng học tập, sống và làm việc...; cung cấp cơ hội để HS phân tích và tổng kết kinh nghiệm học tập, hình thành các chiến lược học tập và cách học tập.

3.3. Kiểm soát KQ học tập. Sử dụng đa dạng hình thức đánh giá (đánh giá chẩn đoán ở đầu chương/phần/ bài học; đánh giá quá trình trong bài học, chương học; đánh giá tổng kết cuối chương, cuối học kì, cuối năm học; đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của HS); Sử dụng đa dạng phương pháp và công cụ đánh giá (kịch bản hỏi - đáp, câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bài luận; bài tập tình huống; thực hiện nhiệm vụ và trò chơi học tập; check list;...) để đo lường, kiểm soát mức độ am hiểu khái niệm, khả năng tư duy, mức độ thành thạo các kỹ năng, sự tự tin và tính chủ động, độc lập trong học tập của HS. Có những bài tập cuối chương/ phần, dự án học tập (kéo dài một hoặc nhiều tuần, một hoặc nhiều tháng) để khuyến khích HS phát triển kỹ năng hợp tác, kỹ

năng xã hội, và sử dụng cho nhiều mục tiêu giáo dục khác nhau.

3.4. Vận dụng công nghệ mới để phát triển các kỹ năng thế kỉ XXI

SGK được xem như là công cụ quan trọng để phát triển các kỹ năng thế kỉ XXI bằng cách sử dụng một số công nghệ mới trong thiết kế sách như sau:

- *Điện toán đám mây* (Cloud Computing) là mô hình dịch vụ cho phép người dùng truy cập tài nguyên dùng chung (mạng, server, lưu trữ, ứng dụng, dịch vụ) thông qua kết nối mạng được thiết lập hoặc hủy bỏ bởi người dùng. Công nghệ này nên trở thành một phần của SGK khi cho HS sử dụng các thiết bị cá nhân (điện thoại, laptop, Ipad...) để: Truy cập tài liệu dùng chung (bài tập, bài đọc, video, film, tài liệu hỗ trợ); Lưu trữ, cập nhật file bằng công cụ Dropbox, Google Drive, Otixo...; Sử dụng các đám mây công cộng như STEM, Chromebook,... (theo The New Media Consortium).

- Tối ưu hóa các thiết bị di động (như máy tính bảng, điện thoại thông minh, Ipad...) của cá nhân HS để: Sử dụng các ứng dụng trên điện thoại di động như "Maps deep space" khi quan sát cấu trúc hóa học, "iTunes U" của Apple để chia sẻ các khóa học trực tuyến; Đọc sách, Tạp chí điện tử; Tương tác với SGK điện tử;... Sử dụng các nội dung giáo dục mở, có sẵn, phong phú và cập nhật trên mạng sẽ cho phép ưu tiên nhiều hơn cho cách dạy, cách học và cách thức phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc cho HS. Luật bản quyền và các tiêu chuẩn sử dụng sản phẩm trên mạng cho phép giáo viên, HS chia sẻ nội dung đến các khán giả rộng lớn hơn, hợp tác ngoài lớp học, ngoài trường học, ngoài biên giới quốc gia.

- Sử dụng các phòng thí nghiệm, mô phỏng ảo trên mạng sẽ tạo cơ hội cho HS có thể truy cập từ xa, làm thí nghiệm trực tuyến thông qua webcam và thiết bị điều khiển. Sự linh hoạt trong hầu hết các phòng thí nghiệm ảo cung cấp cho HS khả năng thực hiện nhiều thí nghiệm mà không bị áp lực phải thực hiện hoàn hảo ngay lần đầu bởi nó cho phép sửa đổi, lựa chọn các thông số kỹ thuật cần thiết.

* * *

CT tiếp cận NL nhấn mạnh đến việc phát triển những tiềm năng người học có thể làm trong cuộc sống từ những kiến thức, kỹ năng trong môn học. SGK

(Xem tiếp trang 11)

nguồn nhân lực và tạo nên nhiều hướng mở khác trong quá trình triển khai CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội.

* * *

Để đẩy mạnh phát triển KT-XH, trước hết cần tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thông qua việc nâng cao chất lượng về GD-ĐT. CTĐT là công cụ để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho xã hội. Việc xây dựng và triển khai CTĐT tiếp cận yêu cầu tuyển dụng của thị trường lao động là một quy luật tất yếu của xu hướng phát triển giáo dục hiện nay. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng đào tạo thì CTĐT cần phát triển theo hướng tích hợp các KN chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, KN làm việc, quản lí, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp... tiếp cận nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm đến cơ chế triển khai mở cho đối

tượng ngoài SV nhằm hướng đến mục tiêu đào tạo gắn liền với thực tiễn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Anh Tài (2009). *Gắn đào tạo với sử dụng, nhà trường với doanh nghiệp*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh 25 (2009), tr 77-81.
- [2] Namita P.Patil (2012). *Role Of Education In Social Change*. International Educational E-Journal, Vol I, Issue-II, pp. 205-210.
- [3] Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Minh Đường (2011). *Bàn về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*. Tạp chí Khoa học Giáo dục số 69, tháng 6/2011.
- [5] Phạm Xuân Thanh (2012). *Các xu hướng mới trong kiểm định chất lượng giáo dục*. Đưa ra các lựa chọn cơ bản cho hệ thống đảm bảo chất lượng từ bên ngoài.

Luyện bài về một số yêu cầu...

(Tiếp theo trang 3)

được xem là công cụ quan trọng hỗ trợ việc phát triển các kĩ năng thế kỉ XXI cho HS. Điều đó đòi hỏi SGK cần đáp ứng ít nhất 4 yêu cầu là: 1) Lựa chọn và tổ chức nội dung theo hướng hình thành và phát triển các kĩ năng, NL cần thiết; 2) Các hoạt động, phương pháp, kĩ thuật dạy học phải cung cấp cơ hội để HS được ứng dụng kiến thức, kĩ năng một cách sáng tạo, hình thành chiến lược và cách thức học tập; 3) Sử dụng đa dạng các hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá để đo lường, kiểm soát mức độ am hiểu khái niệm, khả năng tư duy, mức độ thành thạo các kĩ năng, sự tự tin và tính chủ động, độc lập trong học tập của HS; 4) Sử dụng các công nghệ mới trong thiết kế sách như điện toán đám mây, các phần mềm ứng dụng trong thiết bị di động, sử dụng các nội dung giáo dục mở, các phòng thí nghiệm, mô phỏng ảo trên mạng Internet... □

Tài liệu tham khảo

- [1] Azadeh Asgari (2010). *Curriculum development and evaluation*, www.slideshare.net/ Azia1980/ curriculum-development-evaluation.
- [2] Attash Durrani - Muhammad Ali Shahid (2011). *Guidelines for textbook Author*, Punjab Textbook Board, Lahore.

- [3] Attash Durrani - Muhammad Ali Shahid (2011). *Guidelines for textbook Author*, Punjab Textbook Board, Lahore.
- [4] Eddah Gachukia and Fay Chung (2011). *The textbook Writer's Manual*. International Institute for Capacity Building in Africa, UNESCO.
- [5] Hanover Research. *Emerging and Future Trends in K-12 Education*, 2014. www.hanoverresearch.com
- [6] Heywood, J (2006). *Curriculum Design, Implementation and Evaluation, in Engineering Education: Research and Development in Curriculum and Instruction*, John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, NJ, USA. doi: 10.1002/0471744697.ch1.
- [7] Lianghuo Fan (2010). *Principles and Processes for Publishing Textbooks and Alignment with Standards: A Case in Singapore*. APEC Conference on Replicating Exemplary Practices in Mathematics Education, Koh Samui, Thailand, 7-12 Mar.
- [8] Maria Repoussi and Nicole Tutiaux-Guillon (2010). *New Trends in History Textbook Research: Issues and Methodologies toward a School Historiography*. Volume 2, Issue 1, Spring 2010: 154-70 © GEI ISSN 2041-6938 (Print), ISSN 2041-6946 (Online).
- [9] New Media Consortium (2013). *The New Media Consortium's Horizon Report: 2013 K-12 Edition estimates that within the next 12 months, cloud computing will become an integral part of K-12 education*.
- [10] UNESCO (2010). *Guidebook on Textbook Research and Textbook Revision*.